



Báo cáo tài chính bán niên  
đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/06/2020  
đã được soát xét

Đơn vị kiểm toán :

**CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38.205.944 - Fax: (028) 38.205.942

Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)

E-mail: [infor@aascs.com.vn](mailto:infor@aascs.com.vn)

## Mục lục

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	01 - 02
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	03
<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 06
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 22



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Pacific Bridge (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

### Công ty

CTCP Quản lý Quỹ Pacific Bridge tiền thân là CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Sao Vàng được thành lập theo Giấy phép số 47/UBCK-GP ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu và các giấy phép điều chỉnh sau:

- Theo quyết định số 49/UBCK-GP ngày 20/7/2009 của UBCK Nhà nước: thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa chỉ trụ sở.

- Giấy phép điều chỉnh số 24/UBCK-GPĐC ngày 13/8/2013 của UBCK Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi tên công ty, thay đổi trụ sở và người đại diện pháp luật

- Giấy phép điều chỉnh số 03/UBCK-GPĐC ngày 21/01/2014 của UBCK Nhà nước về bổ sung nghiệp vụ đầu tư chứng khoán.

- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 26/5/2016 của UBCK Nhà nước về thay đổi trụ sở công ty. Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng.)

Trụ sở chính : Tầng 6, 99 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

- Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 10/08/2017 của UBCK Nhà nước về tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ của Công ty: 60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng.)

- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 01/02/2018 của UBCK Nhà nước về thay người đại diện pháp luật của công ty.

Người đại diện pháp luật: Trịnh Sơn Hà

- Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 20/08/2018 của UBCK Nhà nước về tên công ty.

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Pacific Bridge

Tên viết tắt: Pacific Bridge Capital

### Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức danh
--------	-----------

#### Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Ông Trịnh Sơn Hà	Chủ tịch HĐQT
- Bà Vũ Thị Huyền Nga	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

#### Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Đinh Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc
- Bà Tô Thị Thư	Kế toán trưởng

#### Ban Kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Việt Tuấn	Chuyên viên

#### Người Đại diện theo pháp luật

- Ông Trịnh Sơn Hà	Chủ tịch HĐQT
--------------------	---------------

#### Tình hình kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/06/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.



**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Ngày 27/7/2020, Công ty nhận được Quyết định số 510/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận cho Công ty tạm ngừng hoạt động từ ngày 27/07/2020 đến ngày 27/7/2021 theo đề nghị của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2020.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2020 của Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc tại ngày 30/06/2020 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**TRINH SON HÀ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số : 640 /BCKT/TC/2020/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge, được lập ngày 01/09/2020, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho giai đoạn 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán được quy định tại thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Công ty đã nhận được công văn chấp thuận của UBCK Nhà Nước theo Quyết định số 510/QĐ-UBCK ngày 27/7/2020 về việc tạm ngừng hoạt động từ ngày 27/7/2020 đến ngày 27/7/2021 để thực hiện việc tái cấu trúc hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

**Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)****Phó Tổng Giám đốc****LE ĐÌNH ÁI**

Giấy CN ĐKHN KTV số: 3770-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>27.471.720.826</b>	<b>28.009.742.155</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>27.471.720.826</b>	<b>28.009.742.155</b>
1. Tiền	111		27.471.720.826	28.009.742.155
2. Tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		-	-
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản hoạt động nghiệp vụ	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.226.145</b>	<b>180.793.723</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	<b>18.454.578</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.02</b>	-	18.454.578
- Nguyên giá	222		83.045.650	83.045.650
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(83.045.650)	(64.591.072)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.03</b>	-	-
- Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(160.000.000)	(160.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>250</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.04</b>	<b>5.226.145</b>	<b>162.339.145</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.226.145	5.226.145
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	157.113.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.476.946.971</b>	<b>28.190.535.878</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>340.220.820</b>	<b>323.427.220</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>340.220.820</b>	<b>323.427.220</b>
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.05	44.308.150	44.308.150
3. Người mua trả trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.06	78.522.581	55.419.881
5. Phải trả người lao động	315		-	79.173.100
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả, phải nộp khác	319	V.07	217.390.089	144.526.089
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.08	<b>27.136.726.151</b>	<b>27.867.108.658</b>
<b>I. Nguồn vốn</b>	<b>410</b>		<b>27.136.726.151</b>	<b>27.867.108.658</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(32.863.273.849)	(32.132.891.342)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>27.476.946.971</b>	<b>28.190.535.878</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	1		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	2		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	3		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	-
5. Ngoại tệ các loại	5		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	6		-	-
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	7		-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	8		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	9		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	10		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	11		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	12		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	13		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	14		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	15		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	20		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	31		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	32		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	40		-	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước (CK chưa niêm yết)	41		-	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	42		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	50		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	51		-	-



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Thị Thanh Huyền

Tô Thị Thu



Trịnh Sơn Hà



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh</b>	<b>01</b>		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		-	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12</b>		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	VI.1.	11.899	19.848
7. Chi phí tài chính	14		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	VI.2.	645.224.406	914.055.370
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16</b>		<b>(645.212.507)</b>	<b>(914.035.522)</b>
10. Thu nhập khác	17	VI.3.	-	-
11. Chi phí khác	18	VI.3.	85.170.000	190.911.529
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>19</b>		<b>(85.170.000)</b>	<b>(190.911.529)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>20</b>		<b>(730.382.507)</b>	<b>(1.104.947.051)</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>22</b>		<b>(730.382.507)</b>	<b>(1.104.947.051)</b>

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Huyền

Tô Thị Thu



Chu tịch HĐQT

Trịnh Sơn Hà

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	-
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(3.676.500)	(472.112.183)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(461.037.400)	(542.981.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.850.672	-
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(85.170.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(538.033.228)</b>	<b>(1.015.093.183)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.899	19.848
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>11.899</b>	<b>19.848</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
8. Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	38		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(538.021.329)</b>	<b>(1.015.073.335)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>28.009.742.155</b>	<b>24.331.505.319</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>27.471.720.826</b>	<b>23.316.431.984</b>

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

Người lập bảng

Kế toán

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Thanh Huyền

Tô Thị Thu

Trịnh Sơn Hà

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Kỳ trước		Kỳ này		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	(30.535.023.716)	(32.132.891.342)	-	1.104.947.051	-	730.382.507	(31.639.970.767)	(32.863.273.849)
<b>Cộng</b>	<b>29.464.976.284</b>	<b>27.867.108.658</b>	<b>-</b>	<b>1.104.947.051</b>	<b>-</b>	<b>730.382.507</b>	<b>28.360.029.233</b>	<b>27.136.726.151</b>

Người lập bảng

Kế toán

Phạm Thị Thanh Huyền

Tô Thị Thu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Trịnh Sơn Hà



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Quản lý Quỹ, dịch vụ tài chính
- Ngành nghề kinh doanh : Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán  
Tur vản tài chính và tur vản đầu tur chứng khoán  
Quản lý danh mục đầu tur chứng khoán, công ty đầu tur chứng khoán.
- Tổng số nhân viên : 10 người

Trong đó: Nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ: 07 người

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ quản lý quỹ đăng ký hoạt động như sau:

Stt	Họ tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp
1	Vũ Thị Huyền Nga	001331/QLQ	12/10/2015
2	Đinh Ngọc Dũng	000734/QLQ	16/05/2011
3	Trịnh Bá Toàn	001621/QLQ	27/11/2017
4	Đặng Vũ Trí Dũng	001070/QLQ	25/01/2014
5	Từ Cao Ánh	000817/QLQ	26/03/2012
6	Nguyễn Thị Hiền	000967/QLQ	20/06/2013
7	Nguyễn Thanh Toàn	000582/QLQ	01/02/2010

### II. KỲ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ ban hành và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

#### **Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính



Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

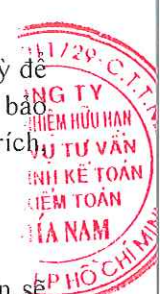
Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**



### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### ***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### ***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### ***Tài sản tài chính***

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu***

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***





Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1



Đơn vị tính: VND

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	27.461.123.638	27.999.580.366
- Tiền gửi ngân hàng	10.597.188	10.161.789
+ Ngân hàng An Bình	3.374.293	3.565.908
+ Ngân hàng BIDV	1.550.990	1.769.314
+ Ngân hàng Eximbank	1.747.240	1.919.332
+ Ngân hàng PVComBank	1.549.414	1.547.295
+ Ngân hàng VIB	890.455	890.455
+ CTCP Chứng khoán SSI	469.485	469.485
+ NH TMCP Bản Việt	1.015.311	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.471.720.826</b>	<b>28.009.742.155</b>

### 02. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	-	83.045.650	-	83.045.650
4. Số dư cuối kỳ	-	83.045.650	-	83.045.650
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	-	64.591.072	-	64.591.072
2. Số tăng trong kỳ	-	18.454.578	-	18.454.578
- Khấu hao trong kỳ	-	18.454.578	-	18.454.578
4. Số dư cuối kỳ	-	83.045.650	-	83.045.650
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	18.454.578	-	18.454.578
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao còn sử dụng: 83.045.650 đồng

### 03. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu năm	-	160.000.000	-	160.000.000
4. Số dư cuối kỳ	-	160.000.000	-	160.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	-	160.000.000	-	160.000.000
4. Số dư cuối kỳ	-	160.000.000	-	160.000.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao còn sử dụng: 160.000.000 đồng

**04. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trả trước dài hạn	5.226.145	5.226.145
- Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	-
- Ký quỹ ký cược dài hạn	-	-
+ Tiền cọc thuê văn phòng	-	157.113.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.226.145</u></b>	<b><u>162.339.145</u></b>

**05. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TV DV Kế toán và kiểm toán Phía Nam	40.000.000	40.000.000
Khác	4.308.150	4.308.150
<b>Cộng</b>	<b><u>44.308.150</u></b>	<b><u>44.308.150</u></b>

**06. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế Thu nhập cá nhân	78.522.581	55.419.881
<b>Cộng</b>	<b><u>78.522.581</u></b>	<b><u>55.419.881</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

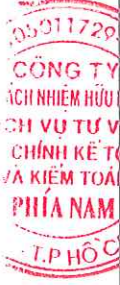
**07. Phải trả phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	17.038.000	12.580.000
Bảo hiểm xã hội	155.961.000	101.388.000
Bảo hiểm y tế	28.561.500	18.904.500
Bảo hiểm thất nghiệp	12.128.000	7.952.000
Phải trả, phải nộp khác	3.701.589	3.701.589
<b>Cộng</b>	<b><u>217.390.089</u></b>	<b><u>144.526.089</u></b>

08. Nguồn vốn chủ sở hữu:

a Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	-	<b>(30.535.023.716)</b>	<b>29.464.976.284</b>
Tăng vốn trong năm trước						-
- Góp vốn	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước						-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	<b>(1.104.947.051)</b>	<b>(1.104.947.051)</b>
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	-	<b>(31.639.970.767)</b>	<b>28.360.029.233</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	-	<b>(32.132.891.342)</b>	<b>27.867.108.658</b>
Tăng vốn trong kỳ						-
- Góp vốn	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ						-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	<b>(730.382.507)</b>	<b>(730.382.507)</b>
- Giảm do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	-	<b>(32.863.273.849)</b>	<b>27.136.726.151</b>



08. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Số lượng cp đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
+ Số lượng cp đã phát hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cp đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp

c. Chi tiết nguồn vốn kinh doanh

Tên thể nhân và pháp nhân góp vốn	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/ Tổng vốn điều lệ
Cổ đông là pháp nhân	2.450.000.000	4,08%
Cổ đông là cá nhân	57.550.000.000	95,92%
<b>Tổng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>

09. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (chi tiết theo từng nhà đầu tư ủy thác) : Không phát sinh

10. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

12.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước : Không phát sinh

12.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài : Không phát sinh

11. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác : Không phát sinh

12. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác : Không phát sinh

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ việc bán chứng khoán tự doanh	-	-
Lãi từ cổ tức được chia	-	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn và dự thu	11.899	19.848
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.899</b>	<b>19.848</b>

**2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	477.831.000	542.981.000
Chi phí vật liệu	-	-
Chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng	-	400.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.454.578	13.840.944
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.938.828	353.833.424
Chi phí bằng tiền khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>645.224.406</b>	<b>914.055.370</b>

**3. Thu nhập và chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<b>3..1. Thu nhập khác</b>	-	-
Thu nhập khác	-	-
<b>3..2. Chi phí khác</b>	<b>85.170.000</b>	<b>190.911.529</b>
Phạt vi phạm	85.170.000	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	-	190.606.185
Khác	-	305.344
<b>Cộng</b>	<b>85.170.000</b>	<b>190.911.529</b>

4. Tài sản và khoản phải thu của Hợp đồng uỷ thác

: không phát sinh

5. Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh:

: không phát sinh

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>6.1. Bố trí cơ cấu tài sản:</b>		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	0,30%	0,29%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	99,98%	99,36%
<b>6.2. Tỷ suất sinh lợi:</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	0,00%	0,00%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	-2,69%	-3,97%
<b>6.3. Tình hình tài chính:</b>		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	1,24%	1,15%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	8074,67%	8660,29%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	0,00%	0,07%

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

- Bên liên quan:**
- Các thành viên của Hội đồng quản trị
  - Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc
  - Các thành viên của Ban Kiểm soát

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền lương của các thành viên chủ chốt	120.000.000	120.000.000

**Giao dịch các bên liên quan**

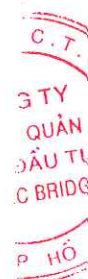
Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

3. Vấn đề khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 01/2019/NQ-PBC.ĐHCĐBT ngày 12/12/2019 Công ty thay đổi trụ sở mới : Tòa nhà Pax Sky Số 144-146-148 Lê Lai, P.Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Hiện Công ty đang làm thủ tục thay đổi giấy phép theo quy định.



#### 4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán, Số liệu so sánh trên bảng Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ căn cứ vào số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/6/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2020

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Thanh Huyền

Tô Thị Thư

Trịnh Sơn Hà

